

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05- 3 - 2024

“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
ông H và bà T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Sâm;

2. Bà Vũ Thị Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gien Ny – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Quỳnh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 268/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Phạm Quang H, sinh năm 1969

Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt ông H, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã D vào ngày 22/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông. Quá

trình chung sống đến đầu tháng 3/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào cuối năm 2013, thì bà T đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã An Cầu sinh sống vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn, ông xin ly hôn bà T.

Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung là Phạm Khánh D sinh ngày 26/6/2013, hiện đang ở với bà T. Ly hôn, ông để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xác nhận thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như ông Phạm Quang H đã trình bày là đúng. Nay ông H có đơn xin ly hôn, bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H không còn, bà nhất trí ly hôn ông H,

Về con chung: Bà xác nhận vợ chồng có 01 con chung như ông H đã trình bày là đúng. Ly hôn, bà nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Hiện tại, bà không có thai nghén gì.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho ông Phạm Quang H được ly hôn bà Nguyễn Thị T; Xử giao con chung Phạm Khánh D sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Ông H có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Ông H phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông Phạm Quang H khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với bà Nguyễn Thị T. Do bà T là bị đơn cư trú Thôn Đ, xã C, huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng, được UBND xã C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 22/5/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 3/2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau. Mâu thuẫn căng thẳng vào cuối năm 2013, thì bà T đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã C sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn, ông xin ly hôn bà T. Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng bà T không có mặt, bà T không có thiện chí hòa giải. Mặt khác thời gian vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của ông bà thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho ông H được ly hôn bà T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung là Phạm Khánh D sinh ngày 26/6/2013, hiện đang ở với bà T. Ly hôn, ông H để bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của bà T là chính đáng, con đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng ở với bà T. Bà T có đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao con chung Phạm Khánh D sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con, như vậy là đáp ứng được nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Ông Phạm Quang H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Quang H và bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Quang H được ly hôn bà Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung là Phạm Khánh D sinh ngày 26/6/2013 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông Phạm Quang H cấp dưỡng cho con. Ông H có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Bà T, ông H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Quang H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004572 ngày 12 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thành tiền án phí

5. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Quang H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục thi hành án dân sự h. Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên